



WEEKLY WRAP

Tuần GD: 8/8/2022 - 12/8/2022

Index Tuần	HOSE	+/-	HNX	+/-
Thống kê thị trường				
Index	1,262.33	↑ 0.8%	303.42	↑ 1.2%
KLGD (trCP)	3,260.37	↓ -8.8%	496.16	↑ 5.2%
GTGD (tỷ VND)	77,916.58	↓ -6.3%	9,650.69	↑ 5.3%
Tổng cung (trCP)	5,516.63	↓ -22.9%	756.95	↑ 5.5%
Tổng cầu (trCP)	5,587.22	↓ -26.6%	683.03	↓ -0.7%
Giao dịch NĐT nước ngoài				
KL mua (trCP)	126.27	↓ -41.4%	6.28	↑ 168.1%
KL bán (trCP)	112.61	↓ -32.4%	1.15	↓ -68.6%
GT mua (tỷ VND)	4,251.78	↓ -40.7%	139.76	↑ 184.7%
GT bán (tỷ VND)	4,156.21	↓ -27.5%	37.89	↓ -44.1%

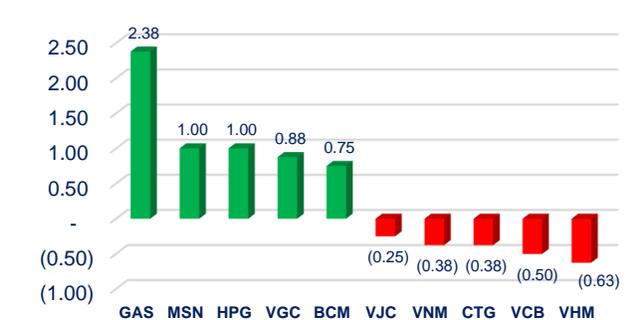
Biến động giá Ngành theo Tuần



Giá trị giao dịch mua ròng của NĐT nước ngoài



TOP CÁC CỔ PHIẾU CÓ ẢNH HƯỞNG NHẤT ĐẾN VN-INDEX



THỊ TRƯỜNG TUẦN QUA

Thị trường mở cửa giảm nhẹ và sau đó giao dịch chậm quanh tham chiếu khi cả cung và cầu đều khá thận trọng sau phiên giảm điểm với khối lượng lớn ngày hôm qua. Cuối phiên sáng chỉ số mới có diễn biến tích cực hơn và đã tăng điểm được duy trì sang hết phiên chiều mặc dù có những nhịp chùng xuống. Đóng cửa, VN-Index tăng 10,26 điểm (0,82%) lên 1.262,33 điểm, HNX đóng cửa tại 303,42 điểm, tăng 3,24 điểm tương ứng với 1,08%. Thanh khoản trong tuần qua giảm nhẹ so với tuần trước, vẫn duy trì trên mức trung bình 20 tuần gần nhất.

Nhóm cổ phiếu ngân hàng và dầu khí vẫn duy trì sự tích cực khi tiếp tục tăng như GAS (+1,2%), PVS (+1,16%), STB (+1,8%), VCB (+0,1%) và một số mã phục hồi khá như BID (+2,6%), VPB (+1%). Ngoài ra trong phiên hôm nay thị trường chứng kiến sự phục hồi mạnh của nhóm cổ phiếu thép khi HPG (+2,35%) lấy lại được toàn bộ mức giảm hôm qua, một số mã thậm chí tăng rất mạnh như HSG (+6,9%, khớp lệnh 24 triệu cổ phiếu), NKG (+5,58%).

Nhóm cổ phiếu chứng khoán sau phiên chịu áp lực chốt lãi hôm qua cũng phục hồi khá tốt với MBS, VIX tăng trần, VCI (+6,21%), SSI (2,05%), SHS (2,78%), VND (+2,51%). Bên cạnh đó nhóm cổ phiếu KCN cũng giao dịch rất sôi động nhờ VGC (+6,94%) duy trì đà tăng điểm mạnh ngay từ đầu giờ sau khi công bố lợi nhuận 7 tháng ước đạt 1.890 tỷ đồng, vượt 11% so với KH năm. Đà tăng giá của VGC là động lực giúp hầu hết các mã chủ chốt cùng ngành đóng cửa tăng giá, điển hình là LHG (+6,91%), IDC (+4,5%), SZC (+4,02%), TIP (+3,14%), KBC (+2,4%), BCM (+1,89%)... Diễn biến tích cực cũng được ghi nhận ở các mã ngành thủy sản và một số mã thuộc ngành bán lẻ như FRT (+6,95%), PET (+5,56), DGW (+3,97%) trong khi PNJ và MWG giảm điểm.

Nhóm cổ phiếu bất động sản nhà ở và xây dựng cũng có diễn biến phục hồi mặc dù đà hồi phục ở những mã chủ chốt còn thấp như DIG (1,38%), DXG (0,72%), HBC (1,63%), VCG (+0,22%), tuy vậy một số mã vốn hóa nhỏ vẫn giao dịch tích cực như IJC (+4,56%), TDC (+2,33%), CII (+1,95%)..

Khối ngoại mua ròng trên thị trường trong tuần qua với giá trị ròng đạt 197,45 tỷ đồng trên hai sàn. Xét theo khối lượng ròng, SSI là mã được mua ròng nhiều nhất với 25,4 triệu cổ phiếu. Tiếp theo là STB với 13,2 triệu cổ phiếu và CTG với 7,5 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, HPG là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 3,4 triệu, tiếp theo là VNM với gần 3 triệu cổ phiếu và HNG với 2,5 triệu cổ phiếu.

Trên thị trường phái sinh, các hợp đồng tương lai VN30 ở 4 kỳ hạn đang thấp hơn so với chỉ số cơ sở VN30 từ -0,86 đến -23,06 điểm, mức chênh lệch tiếp tục thu hẹp dần so với phiên trước khi thị trường đang dần đến thời điểm đảo hạn phát sinh, cũng như các trader kỳ vọng chỉ số VN30 sẽ điều chỉnh chậm lại.



WEEKLY WRAP

Tuần GD: 8/8/2022 - 12/8/2022

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



VN-INDEX duy trì tuần tăng điểm thứ năm liên tiếp và chỉ số hiện kết tuần ở mức 1.262,33 điểm trên ngưỡng 1.260 điểm, giá thấp của khoảng trống giảm giá gap down 1.260-1.285 giữa hai phiên 10/06-13/06/2022. Thanh khoản trong tuần qua giảm nhẹ so với tuần trước, duy trì trên mức trung bình 20 tuần gần nhất. Điều này thể hiện sự quan tâm của nhà đầu tư đối với thị trường tiếp tục cải thiện, mặc dù mức độ phân hóa dần gia tăng.

Trên góc nhìn sóng Elliott, VN-INDEX đã hoàn thành xong một chu kỳ sóng đầy đủ gồm 8 bước sóng (1-2-3-4-5-a-b-c) kéo dài trong hơn 2 năm từ cuối tháng 3, đầu tháng 4 năm 2020 cho đến nửa đầu tháng 7 năm 2022. Ngưỡng 1.140 điểm được chúng tôi xác định là đáy của sóng điều chỉnh c sau khi test thành công hai lần quanh ngưỡng này vào đầu tháng 7. Điều này là khá tương đồng với thị trường 4 năm trước đó khi đáy sóng điều chỉnh c được xác định quanh ngưỡng 880 điểm.

Trong trung hạn, VN-INDEX có thể diễn biến giống với lịch sử với thị trường sẽ có nhịp hồi phục, sau đó là điều chỉnh và giằng co với những nhịp tăng giảm đan xen kéo dài trong biên độ 1.200-1.300. Ngắn hạn, với việc VN-Index đã vượt qua được ngưỡng cản tâm lý 1.200 điểm (mà giờ đây là ngưỡng hỗ trợ) trong phiên 28/7 trong kịch bản tích cực, VN-INDEX có thể tiếp tục hướng đến vùng kháng cự tiếp theo trong khoảng 1.260-1.285 điểm (gap down giữa hai phiên 10/6 và 13/6).

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Điểm nhấn tích cực trong tuần này là đã có những cổ phiếu đầu tiên, cụ thể là VGC đang vượt đỉnh giá lịch sử ở thời điểm thị trường tạo đỉnh tháng 04/2022 mặc dù VN-Index mới phục hồi khoảng 10% từ đáy. Điều này cũng mang đến những kỳ vọng lạc quan của nhà đầu tư đối với các công ty vẫn duy trì tăng trưởng trên thị trường, thu hút thêm dòng tiền đầu tư.

Kể từ sau khi thiết lập được mức đáy quanh 1.140 điểm vào đầu tháng 7/2022, thị trường đã có liên tiếp 5 tuần hồi phục lên tiếp và hiện đã vượt qua được ngưỡng 1.260 điểm. Do đó, xu hướng trong ngắn hạn của thị trường vẫn nghiêng về tích cực và chỉ số VN-Index có thể hướng đến vùng kháng cự tiếp theo trong khoảng 1.260-1.285 điểm trong thời gian tới.

Xét về góc nhìn trung và dài hạn, thị trường vẫn đang hình thành vùng tích lũy trên nền định giá ở mức thấp so với trung bình nhiều năm, trong bối cảnh tăng trưởng nền kinh tế vẫn được duy trì, qua đó có nhiều cơ hội chọn lọc đầu tư. Nhà đầu tư có thể xem xét chọn lọc giải ngân, tích lũy đối với những cổ phiếu có triển vọng tăng trưởng trong quý III/2022, đã có báo cáo Quý II/2022 duy trì kết quả kinh doanh tăng trưởng tốt và đang thu hút dòng tiền ngắn hạn gia tăng.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo danh mục cổ phiếu khuyến nghị của chúng tôi để có quyết định hợp lý, nhưng hạn chế mua đuổi ở vùng giá cao, gần kháng cự ngắn hạn như nêu trên.



WEEKLY WRAP

Tuần GD: 8/8/2022 - 12/8/2022

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

MÃ	Giá hiện tại (1.000)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trưởng Doanh thu TTM	T.trưởng Lợi nhuận TTM	
DGW	65.50	60-62	68-70	48	13.5	16.4%	17.6%	Theo dõi chờ giải ngân
DPR	72.40	70-72	88-90	64	6.5	31.9%	110.7%	Theo dõi giải ngân khi điều chỉnh, hỗ trợ ngắn hạn 71.5+-
FRT	84.60	77-79	95-100	74	16.9	42.5%	55.1%	Theo dõi chờ giải ngân
BMP	67.00	62-64	75-77	57	15.2	7.1%	247.2%	Theo dõi giải ngân khi điều chỉnh, hỗ trợ ngắn hạn 62.5+-
IJC	22.95	20-21.2	26-28	19	9.7	26.8%	6.6%	Theo dõi chờ giải ngân
BSR	25.47	24.25.5	30-31	23	5.1	88.1%	488.1%	Theo dõi chờ giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
23/06/2022	GEX	24.50	18.60	25-26	22	31.72%	Nắm giữ
23/06/2022	TCH	12.35	10.25	13-13.5	11	20.49%	Nắm giữ
23/06/2022	SCR	12.50	8.89	13-13.5	10.3	40.61%	Nắm giữ
27/06/2022	DBC	26.75	18.55	26-28	24	44.20%	Nắm giữ
27/06/2022	TCD	13.80	10.15	13-14	12	35.96%	Nắm giữ
28/06/2022	EVF	10.95	9.99	13-14	10	9.61%	Nắm giữ
29/06/2022	VPI	65.00	63.20	76-78	61	2.85%	Nắm giữ
30/06/2022	BSI	29.30	22.40	29-30	25	30.80%	Nắm giữ
1/7/2022	PLC	28.00	22.20	27-28	25	26.13%	Nắm giữ
4/7/2022	VCG	23.05	18.20	24-26	20.5	26.65%	Nắm giữ
4/7/2022	MBB	27.05	24.30	28-29	25	11.32%	Nắm giữ
11/7/2022	SSI	24.90	20.00	25-27	20	24.50%	Nắm giữ
12/7/2022	ASM	16.15	13.45	16.5-17	14.2	20.07%	Nắm giữ
14/7/2022	GVR	24.85	22.60	28-30	22	9.96%	Nắm giữ
27/7/2022	NT2	25.80	25.50	29.5-31	24	1.18%	Nắm giữ
28/7/2022	KBC	38.40	36.85	41-43	35	4.21%	Nắm giữ
2/8/2022	PTB	63.00	61.50	72-75	58	2.44%	Nắm giữ
3/8/2022	HSG	21.70	18.20	22-23	18	19.23%	Nắm giữ
11/8/2022	GAS	114.40	112.00	130-132	104	2.14%	Nắm giữ

TIN VÍ MÔ

Sử dụng 1.155 tỷ đồng kết dư Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp hỗ trợ người lao động

Ủy ban Thường vụ Quốc hội vừa đồng ý sử dụng hơn 1.150 tỷ đồng kết dư Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp để hỗ trợ người lao động, người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. Thời gian chi trả hỗ trợ người lao động phải hoàn thành chậm nhất vào 10/9.

Phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất

Bộ Giao thông vận tải vừa phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất giai đoạn 2021-2030. Nội dung chính của việc điều chỉnh lần này là điều chỉnh, bổ sung phần diện tích 3,54ha đất quốc phòng để di dời hệ thống ụ bê tông xi măng, phục vụ việc khai thác đường lăn W11A.

Hơn 2,5 tỷ USD vốn FDI rót vào Bình Dương

7 tháng đầu năm, Bình Dương thu hút được hơn 2,5 tỷ vốn đầu tư nước ngoài, tăng 74% so với cùng kỳ năm trước. UBND tỉnh Bình Dương yêu cầu đẩy nhanh hoàn thiện quy hoạch, xây dựng, phê duyệt đồ án chung Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore III (giai đoạn 1).

Bộ Tài chính đề nghị xử lý nghiêm trường hợp lợi dụng tăng giá bất hợp lý

Các bộ, ngành, địa phương tăng cường kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành pháp luật về giá. Doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh vi phạm các quy định về giá cũng phải công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Ngành dệt may kiến nghị sớm được thành lập khu công nghiệp quy mô lớn

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu 7 tháng ngành dệt may đạt 26,55 tỷ USD, tăng 16,5% so với cùng kỳ. Ngành dệt may kiến nghị sớm được phê duyệt chiến lược phát triển ngành và được thành lập khu công nghiệp quy mô lớn.

Đề xuất sửa luật thuế để phát triển công nghiệp ô tô, công nghiệp hỗ trợ

Để giúp doanh nghiệp lắp ráp sản xuất ô tô trong nước gia tăng tỷ lệ nội địa hóa, nâng cao năng lực cạnh tranh và thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ, kiến nghị Chính phủ xem xét trình Quốc hội sửa đổi bổ sung Luật thuế tiêu thụ đặc biệt.

Chốt hạn cho những tỉnh thành hứa chi tiền hỗ trợ thuê nhà

Bộ trưởng Bộ LĐ-TB&XH Đào Ngọc Dung yêu cầu ghi rõ những địa phương đã hứa từ nay đến 20-25/8 hoàn thành việc giải ngân hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động.



TIN DOANH NGHIỆP	
Lãnh đạo Sabeco: Còn cơ hội tăng giá bán và dư địa giảm chi phí	Theo SSI Research, trong quý II, Sabeco (HoSE: SAB) ghi nhận doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế ấn tượng, lần lượt là hơn 9.008 tỷ đồng, tăng 25% so với cùng kỳ và 1.793 tỷ đồng, tăng 67% so với cùng kỳ. Lãnh đạo Sabeco kỳ vọng sản lượng tiêu thụ phục hồi trở lại mức trước dịch vào đầu năm sau.
SHB được NHNN chấp thuận thay đổi vốn điều lệ lên 26.674 tỷ đồng và sẽ thực hiện tăng vốn lên 36.459 tỷ đồng trong năm 2022	Mới đây, Ngân hàng Nhà nước đã có văn bản chấp thuận thay đổi vốn điều lệ của Ngân hàng Sài Gòn – Hà Nội (SHB) lên 26.674 tỷ đồng. Thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2022, SHB sẽ nâng vốn điều lệ lên mức 36.459 tỷ đồng, dự kiến đứng trong Top 3 ngân hàng cổ phần tư nhân lớn nhất về vốn điều lệ.
Ước lợi nhuận 7 tháng của Viglacera gần 1.890 tỷ đồng, vượt kế hoạch 11%	Ước lũy kế 7 tháng, Viglacera thu về 1.887 tỷ đồng lãi trước thuế. Tính riêng tháng 7, doanh nghiệp dự thu khoảng 147 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế.
Lợi nhuận sau thuế của Minh Phú quý II giảm 33% (UPCoM: MPC)	Doanh thu thuần quý II đạt 4.491 tỷ đồng tỷ đồng, tăng 43,1%; lợi nhuận sau thuế 152 tỷ đồng, giảm 33,3%. Nợ vay ở thời điểm 30/6 gần 4.150 tỷ đồng, tăng 27,6% so với đầu năm.
FPT báo lãi 7 tháng tăng 28%	FPT ghi nhận tổng doanh thu 7 tháng đạt 23.219 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 3.613 tỷ đồng, tăng lần lượt 22,2% và 28% so với cùng kỳ năm ngoái. Mạng công nghệ đóng góp lớn nhất vào cơ cấu DT và LN với tỷ lệ lần lượt là 57% và 45%.
SFG: Phân bón Miền Nam 6 tháng lợi nhuận vượt kế hoạch cả năm 2022	Kết thúc quý II/2022, Phân bón Miền Nam thu về 49 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, vượt chỉ tiêu đề ra về kế hoạch lợi nhuận chỉ sau nửa năm.
MPC: Trích lập nợ khó đòi đến 197 tỷ đồng kéo lãi ròng sụt giảm 33%	CTCP Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (MPC) báo lãi quý 2 giảm 33% dù có sự tăng trưởng về doanh thu do gánh nặng về các chi phí trong kỳ.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ II/2022

- Tính tới ngày 12/08/2022, sàn HoSE đã có 406/420 doanh nghiệp niêm yết công bố kết quả kinh doanh quý II và 6 tháng đầu năm 2022, đạt xấp xỉ 96,67%. Tỷ lệ này đối với sàn HNX là 96,52% (333/345 doanh nghiệp) và tại Upcom là 40,01% (376/938 doanh nghiệp).

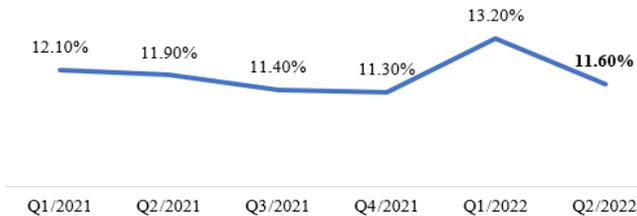
- **Tổng doanh thu và lợi nhuận sau thuế (LNST) QII/2022 của các công ty đã công bố kết quả tăng lần lượt 17,2% và 13,5% so với cùng kỳ năm 2021.** Các nhóm ngành đạt doanh thu cao nhất trong QII/2022 lần lượt là Sản xuất và khai thác dầu khí (167 nghìn tỷ), Ngân hàng (138 nghìn tỷ), Thép và sản xuất thép (102 nghìn tỷ), Thực phẩm (70 nghìn tỷ). Tăng trưởng lợi nhuận so với cùng kỳ toàn thị trường trong QII/2022 giảm so với so với QI/2022 (+37,7% YoY) và QII/2021 (+77,1% YoY), một phần do lợi nhuận ròng quý II/2022 của HPG giảm mạnh 58,7% so với cùng kỳ.

Tính chung 6 tháng đầu cả năm 2022, doanh thu và LNST của các doanh nghiệp vẫn duy trì đà tăng khá tích cực, lần lượt tăng 21,0% và 17,4% so với cùng kỳ năm trước. Các ngành có LNST tăng trưởng tốt: Hóa chất (+380,9% YoY), vận tải hành khách và du lịch (+127,5% YoY), Phân phối xăng dầu & khí đốt (+94,1% YoY), Thủy sản (+81,7% YoY)). Trong khi, các ngành có LNST giảm mạnh: Dịch vụ vận tải (-61,4% YoY), Thép và sản phẩm thép (-38,9%), Chứng khoán (-32,0% YoY), Bất động sản (-29,1% YoY).

- **Lợi nhuận sau thuế của nhóm VN30 giảm 5,4% YoY** trong QII/ 2022, 18 doanh nghiệp trong VN30 tăng trưởng tích cực, dẫn đầu là VJC (12.974% YoY), GAS (123% YoY), CTG (104% YoY). Mặt khác, các mã cổ phiếu có kết quả kém khả quan nhất là PLX (-109% YoY), VHM (-94% YoY) và HPG (-59% YoY). Trong VN30, chỉ có PLX ghi nhận lỗ 196 tỷ đồng do công ty đã trích lập dự phòng đánh giá lại hàng tồn kho hơn 1.100 tỷ đồng.

- **Biên lợi nhuận ròng toàn thị trường giảm** trong QII/2022, đạt 11,6%, cho thấy các doanh nghiệp niêm yết đã bị ảnh hưởng bởi sự gia tăng của giá hàng hóa và chi phí logistic. Top các ngành hàng có biên lợi nhuận gộp giảm mạnh bao gồm: Dịch vụ hỗ trợ, Bất động sản, Hóa chất và Thép.

Biên lợi nhuận ròng của các doanh nghiệp


Khối Tài chính

- Nhìn chung, kết quả kinh doanh của khối ngân hàng tương đối khởi sắc trong nửa đầu năm 2022. 27/27 ngân hàng niêm yết trên cả 3 sàn đã công bố kết quả kinh doanh QII/2022, ghi nhận LNST tăng 35,9% so với QII/2021. Trong Top 10 lợi nhuận cao nhất Quý II thì có 7 đại diện của ngành ngân hàng: ACB, BID, CTG, MBB, TCB, VCB và VPB. Đáng chú ý trong đó là BID khi kỳ vọng sẽ được NHNN nới room tín dụng do ngân hàng đã sử dụng gần hết hạn mức được cấp trong nửa đầu năm. Ngoài ra, BID có kế hoạch tăng vốn khi dự kiến phát hành cổ phiếu trả cổ tức tỷ lệ 12%, chào bán hơn 455 triệu cổ phiếu với tỷ lệ 9% trong thời gian tới (2022-2023), điều này sẽ giúp ngân hàng bổ sung nguồn lực về vốn và cải thiện hệ số CAR.

Trong khi đó, nhóm dịch vụ tài chính doanh thu giảm 2,8% và lợi nhuận giảm 83,9% trong QII/2022 chủ yếu là do ảnh hưởng của nhóm công ty chứng khoán khi thị trường chứng khoán lao dốc trong suốt những tháng vừa qua, doanh thu môi giới và tự doanh, cho vay margin giảm mạnh. Cụ thể, LNST QII/2022 APS -362 tỷ (-9.892% YoY), SHS -297 tỷ (-196% YoY), VDS -245 tỷ (-265% YoY), ORS -128 tỷ (-340% YoY).

Khối Phi tài chính
Ngành Dầu khí

Nhờ hưởng lợi khi giá dầu tăng đột biến, doanh thu QII/2022 ngành dầu khí tăng 113,7% YoY, chủ yếu nhờ nhóm ngành sản xuất và khai thác dầu khí mà PLX, BRS, OIL là đại diện (DT 167 nghìn tỷ, +89,6% YoY). Theo đó, LNST của ngành cũng tăng ấn tượng với mức +152,5 % YoY trong QII/2022 và 99,3% YoY trong 6 tháng đầu năm 2022, chủ yếu do tăng trưởng của BRS (QII +88% YoY, 6T +78%) và GAS (QII +123% YoY, 6T +98%).

Ngành Hóa chất

Trong Quý II/2022, LNST của ngành Hóa chất tăng mạnh 210,7% YoY, qua đó tăng 380,9% YoY trong 6 tháng đầu năm nhờ giá phân bón và phốt pho đạt đỉnh trong khi giá vốn tăng không đáng kể. DGC báo lãi sau thuế đạt 1894 tỷ trong QII (+469% YoY), lũy kế 6 tháng đầu năm đạt 3401 tỷ (+444% YoY). Bên cạnh đó, DCM cũng tăng trưởng mạnh 250% YoY (đạt 1.039 tỷ LNST) trong QII và 470% YoY nửa đầu năm 2022 (đạt 2.556 tỷ LNST).

Ngành Thép và sản xuất thép

Giá thép liên tục sụt giảm và kênh xuất khẩu gặp khó khăn khiến liên tiếp có thêm các doanh nghiệp ngành thép thông báo kết quả kinh doanh với con số lợi nhuận sụt giảm rõ rệt. Trong Quý II, ngành Thép vẫn duy trì là một trong những ngành đạt doanh thu cao nhất (102 nghìn tỷ, +4,7% YoY) và tăng trưởng 22,1% trong nửa đầu năm 2022. Tuy nhiên, LNST QII của toàn ngành giảm -67,0% YoY, nguyên nhân chính do sự giảm mạnh LNST của HPG (-58,7% YoY). Ngoài ra, HSG và NKG cũng đều tăng trưởng âm với lợi nhuận giảm lần lượt 84% và 76% so với cùng kỳ năm trước.



HOSE

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SSI	25,401,000	HPG	(3,451,500)
2	STB	13,202,600	VNM	(2,961,800)
3	CTG	7,509,300	HNG	(2,456,600)
4	VHM	5,005,000	DXG	(1,744,200)
5	VRE	4,980,600	KBC	(1,365,500)

HNX

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SHS	2,581,300	VCS	(200,000)
2	PVS	1,978,000	NVB	(73,000)
3	IDC	307,400	MCF	(60,400)
4	TNG	146,560	KLF	(40,200)
5	PVI	87,600	PGS	(20,000)

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong tuần

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
HPG	23.30	23.95	↑ 2.79%	18,065,940
SHB	15.15	14.90	↓ -1.65%	12,939,158
VND	22.00	22.50	↑ 2.27%	12,572,860
HAG	12.45	11.95	↓ -4.02%	12,046,460
SSI	24.80	24.90	↑ 0.40%	9,640,970

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHS	14.60	14.80	↑ 1.37%	71,679,133
PVS	24.20	26.10	↑ 7.85%	47,163,468
CEO	34.30	35.10	↑ 2.33%	36,325,307
HUT	30.30	29.70	↓ -1.98%	31,546,530
AMV	8.50	8.60	↑ 1.18%	21,460,623

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong tuần

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TGG	6.64	8.27	1.6	↑ 24.55%
DTA	9.28	11.25	2.0	↑ 21.23%
TNT	7.59	9.17	1.6	↑ 20.82%
TNC	60.10	71.50	11.4	↑ 18.97%
VMD	22.50	26.00	3.5	↑ 15.56%

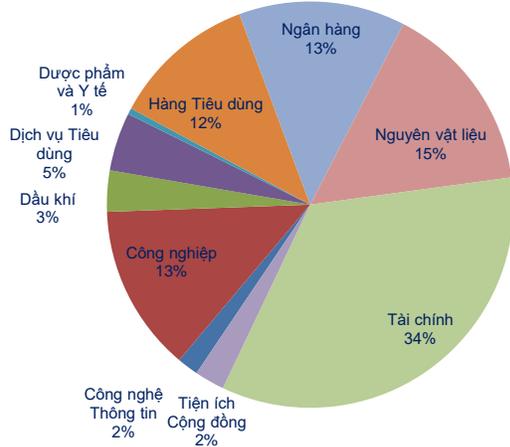
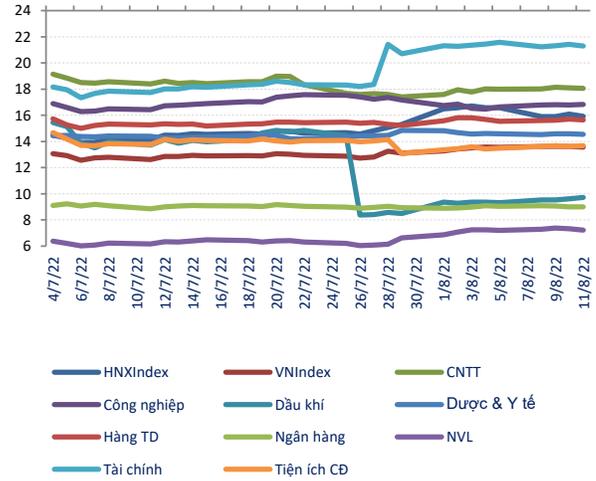
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
THS	25.60	37.80	12.2	↑ 47.66%
SMT	12.00	15.20	3.2	↑ 26.67%
PTD	12.60	15.10	2.5	↑ 19.84%
BKC	7.00	8.30	1.3	↑ 18.57%
L14	104.53	123.00	18.5	↑ 17.67%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong tuần

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PNC	10.30	8.95	-1.4	↓ -13.11%
DTT	15.35	13.45	-1.9	↓ -12.38%
MCP	25.45	22.60	-2.9	↓ -11.20%
BRC	15.20	13.60	-1.6	↓ -10.53%
ROS	2.80	2.51	-0.3	↓ -10.36%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
BST	20.90	15.50	-5.4	↓ -25.84%
CKV	26.40	21.50	-4.9	↓ -18.56%
L40	20.20	17.60	-2.6	↓ -12.87%
CX8	6.50	5.70	-0.8	↓ -12.31%
VNT	75.10	66.00	-9.1	↓ -12.12%

(*) Giá điều chỉnh

Giá trị giao dịch tuần theo Ngành

Chuỗi PE ngành và thị trường

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	18,065,940	32.1%	5,164	4.5	1.4
SHB	12,939,158	20.1%	2,874	5.1	1.0
VND	12,572,860	12.3%	396	55.4	1.8
HAG	12,046,460	14.4%	742	16.5	2.4
SSI	9,640,970	13.0%	1,198	20.4	1.7

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	71,679,133	25.5%	1,297	11.1	1.3
PVS	47,163,468	4.2%	1,117	23.1	1.0
CEO	36,325,307	7.2%	970	35.6	2.5
HUT	31,546,530	6.1%	711	40.9	2.6
AMV	21,460,623	8.7%	1,137	7.5	0.7

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
TGG	↑ 24.5%	14.3%	2,104	3.9	0.5
DTA	↑ 21.2%	6.0%	646	16.3	1.0
TNT	↑ 20.8%	8.1%	1,023	9.2	0.8
TNC	↑ 19.0%	19.1%	3,354	20.4	3.9
VMD	↑ 15.6%	1.2%	306	84.2	1.0

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
THS	↑ 47.7%	9.5%	1,340	25.7	2.4
SMT	↑ 26.7%	1.5%	192	78.1	1.3
PTD	↑ 19.8%	43.9%	7,600	1.8	0.8
BKC	↑ 18.6%	28.9%	3,125	2.5	0.6
L14	↑ 17.7%	1.1%	229	521.6	7.1

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	25,401,000	13.0%	1,198	20.4	1.7
STB	13,202,600	10.3%	1,902	13.3	1.3
CTG	7,509,300	15.1%	3,057	9.3	1.3
VHM	5,005,000	21.8%	6,474	9.5	2.1
VRE	4,980,600	4.2%	571	50.7	2.1

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	2,581,300	25.5%	1,297	11.1	1.3
PVS	1,978,000	4.2%	1,117	23.1	1.0
IDC	307,400	33.9%	5,604	11.1	3.1
TNG	146,560	19.2%	2,807	9.8	1.9
PVI	87,600	8.0%	2,729	16.9	1.3

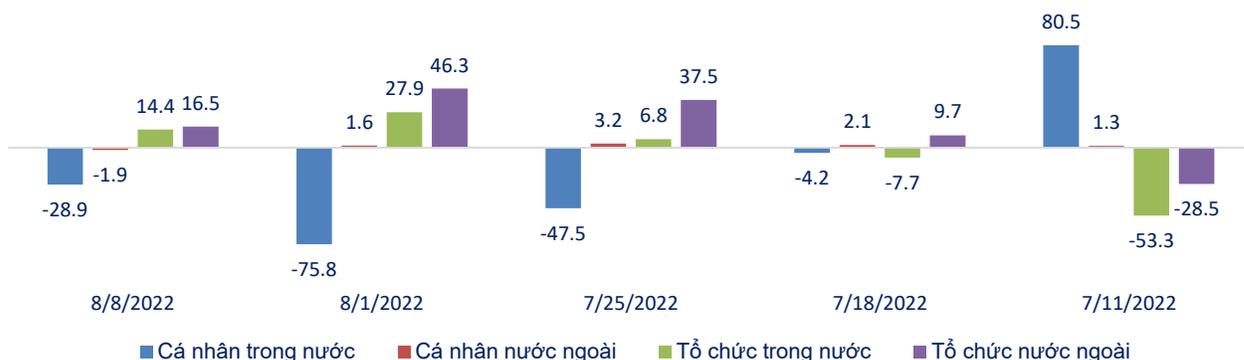
Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	385,700	21.7%	5,271	15.5	3.1
VHM	267,358	21.8%	6,474	9.5	2.1
VIC	250,957	-0.5%	-173	-	1.9
GAS	216,276	23.6%	6,738	16.8	3.6
BID	193,741	14.7%	2,580	14.8	2.1

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
KSF	24,900	6.2%	1,268	65.5	3.8
IDC	20,526	33.9%	5,604	11.1	3.1
THD	20,370	14.3%	2,516	23.1	3.4
NVB	15,980	-1.9%	-189	-	3.7
BAB	13,746	8.1%	905	18.7	1.5

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 tuần gần nhất (tỷ đồng)


Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	115.50	32.1%	5,164	4.5	1.4
VNM	53.64	26.8%	4,534	15.7	4.0
DXG	52.35	5.3%	1,218	22.8	1.2
DGC	49.75	68.6%	13,204	6.9	3.6
TCB	49.27	21.1%	5,765	6.7	1.3

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	-197.46	20.1%	2,874	5.1	1.0
HDB	-151.87	21.6%	3,464	7.3	1.4
VND	-145.22	12.3%	396	55.4	1.8
PVD	-113.57	0.0%	1	33,887.5	0.7
NVL	-98.56	7.6%	1,655	49.1	3.6

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DGC	11.19	68.6%	13,204	6.9	3.6
HVN	9.68	0.0%	(4,484)	-	-
BCG	3.21	8.0%	2,098	7.9	0.6
FRT	2.63	35.3%	5,014	15.8	5.0
DPG	2.25	21.4%	6,259	7.5	1.5

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
APH	-10.82	1.1%	229	61.2	0.6
HPG	-7.25	32.1%	5,164	4.5	1.4
HCM	-5.47	12.1%	1,223	22.0	1.6
DGW	-5.07	42.3%	4,845	13.0	4.8
DXG	-4.00	5.3%	1,218	22.8	1.2

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	208.74	20.1%	2,874	5.1	1.0
VNM	167.05	26.8%	4,534	15.7	4.0
VND	78.08	12.3%	396	55.4	1.8
VPB	72.24	19.6%	3,774	7.8	1.3
MSN	65.58	27.1%	7,170	14.9	3.9

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
E1VFN30	-87.21	N/A	N/A	N/A	N/A
FUESSVFL	-86.44	N/A	N/A	N/A	N/A
HAH	-48.96	37.2%	10,309	6.5	1.9
PLX	-46.07	2.6%	565	74.0	2.0
TCB	-44.76	21.1%	5,765	6.7	1.3

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HDB	159.27	21.6%	3,464	7.3	1.4
E1VFN30	112.97	N/A	N/A	N/A	N/A
SSI	95.66	13.0%	1,198	20.4	1.7
FUESSVFL	82.98	N/A	N/A	N/A	N/A
PVD	82.27	0.0%	1	33,887.5	0.7

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

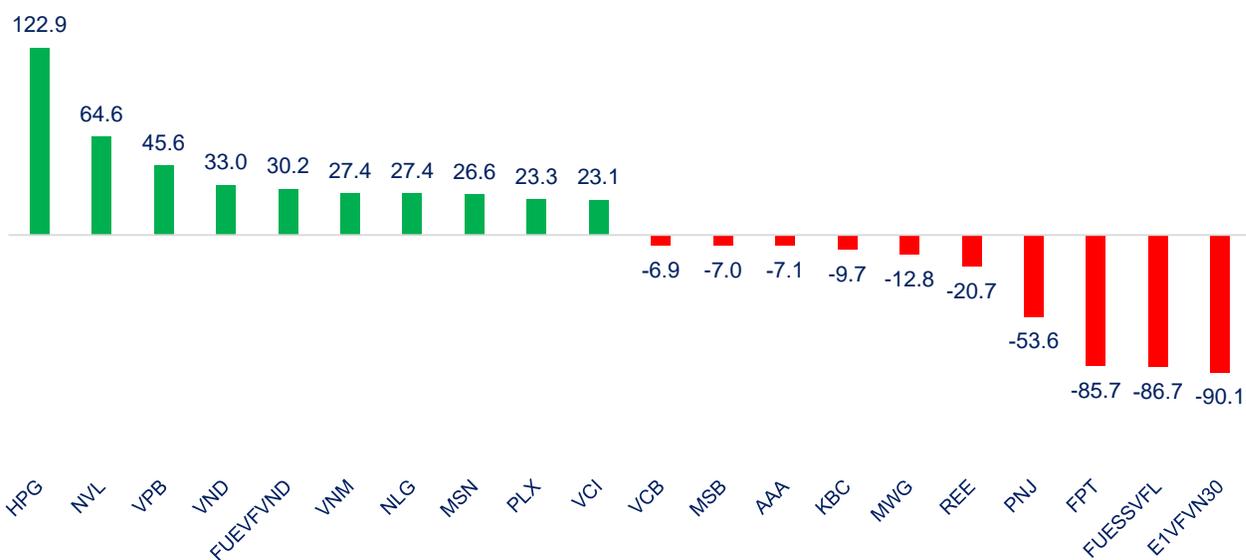
Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	-220.80	26.8%	4,534	15.7	4.0
HPG	-75.80	32.1%	5,164	4.5	1.4
VJC	-55.86	0.5%	139	900.3	3.9
DGC	-53.51	68.6%	13,204	6.9	3.6
KBC	-51.83	14.9%	3,412	11.0	1.5



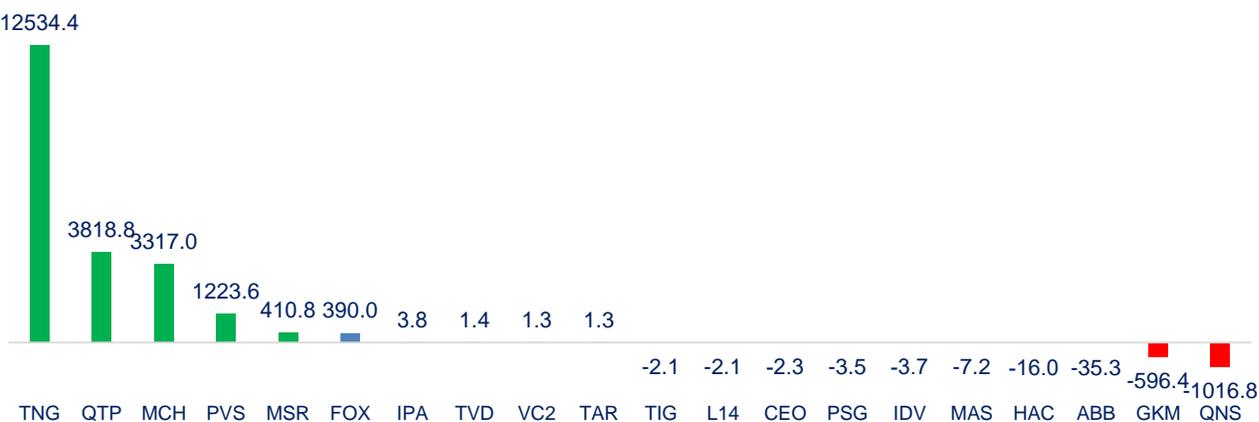
Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 tuần gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/bán ròng của tự doanh trên HNX và UPCOM (triệu đồng)





LỊCH SỰ KIỆN TRONG TUẦN

Ngày thông báo	Ngày thực hiện	Ngày ĐKCC	Ngày GDKHQ	Mã CK	Loại sự kiện
12/5/2022	12/8/2022	27/5/2022	26/5/2022	DGT	Đại hội Đồng Cổ đông
28/6/2022	12/8/2022	12/7/2022	11/7/2022	BBC	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24/6/2022	12/8/2022	20/7/2022	19/7/2022	DHC	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23/6/2022	12/8/2022	8/7/2022	7/7/2022	CTB	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23/6/2022	12/8/2022	30/6/2022	29/6/2022	VGT	Trả cổ tức bằng tiền mặt
30/6/2022	12/8/2022	12/7/2022	11/7/2022	NSC	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18/7/2022	12/8/2022	12/8/2022	12/8/2022	SSU	Tạm dừng Niêm yết
19/7/2022	12/8/2022	27/7/2022	26/7/2022	CKA	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21/7/2022	12/8/2022	12/8/2022	12/8/2022	TAP	Tạm dừng Niêm yết
25/7/2022	12/8/2022	2/8/2022	1/8/2022	CMN	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20/7/2022	12/8/2022	2/8/2022	1/8/2022	PJT	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9/8/2022	12/8/2022	15/8/2022	12/8/2022	MBS	Phát hành cổ phiếu
9/8/2022	12/8/2022	15/8/2022	12/8/2022	MBS	Phát hành cổ phiếu
20/10/2021	15/8/2022	12/8/2022	12/8/2022	VPB	Niêm yết thêm
7/7/2022	15/8/2022	21/7/2022	20/7/2022	NED	Đại hội Đồng Cổ đông
6/7/2022	15/8/2022	18/7/2022	15/7/2022	HPI	Đại hội Đồng Cổ đông
19/7/2022	15/8/2022	28/7/2022	27/7/2022	VXP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19/7/2022	15/8/2022	29/7/2022	28/7/2022	NUE	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15/7/2022	15/8/2022	4/8/2022	3/8/2022	BTT	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22/7/2022	15/8/2022	16/8/2022	15/8/2022	CRE	Phát hành cổ phiếu
22/7/2022	15/8/2022	16/8/2022	15/8/2022	CRE	Phát hành cổ phiếu
21/7/2022	15/8/2022	27/7/2022	26/7/2022	PJS	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20/7/2022	15/8/2022	25/7/2022	22/7/2022	GSM	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28/7/2022	15/8/2022	4/8/2022	3/8/2022	BDG	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27/7/2022	15/8/2022	2/8/2022	1/8/2022	POV	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25/7/2022	15/8/2022	1/8/2022	29/7/2022	HLR	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27/7/2022	15/8/2022	16/8/2022	15/8/2022	VFG	Phát hành cổ phiếu
5/8/2022	15/8/2022	12/8/2022	12/8/2022	AGE	Niêm yết mới
17/11/2021	16/8/2022	12/8/2022	12/8/2022	DSC	Niêm yết thêm
20/5/2022	16/8/2022	27/5/2022	26/5/2022	ART	Đại hội Đồng Cổ đông



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn